

Bản án số 38/2023/HS-ST
Ngày: 21 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Phương

Ông Hà Mạnh H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Công Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33 /2023/HSST ngày 23/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35 /2023/QĐXXST - HS ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 /2023/HSST - QĐ ngày 29/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Thiên V - sinh ngày 30/6/1991;

Nơi cư trú: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thiên L và bà Mai Thị C; có vợ Lê Thu T và 02 con; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 72/2019/HS-ST ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội” Đánh bạc”. Bị cáo được rút ngắn thời gian thử thách của án treo là 08 tháng, đến ngày 08/11/2021 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo.

Bị cáo bị áp dụng Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn Đ - sinh ngày 18/02/1990;

Nơi cư trú: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình N và bà Lê Thị C; có vợ là Phạm Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2022 đến ngày 22/12/2022 được thay thế bằng Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Anh T - sinh ngày 20/02/1992;

Nơi cư trú: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Anh T và bà Bùi Thị T; có vợ là Lê Thị D và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Cao Như L - sinh ngày 23/9/1997;

Nơi cư trú: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S và bà Mai Thị V; có vợ là Mai Thị Vân A và 01 con; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/3/2022 bị UBND phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2022 đến ngày 21/12/2022 được thay thế bằng Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Sỹ H - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Thiên H1 - sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Trần Văn T1 - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Đỗ Thị L - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đỗ Văn T2 - sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Thành C - sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị T3 - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Bùi Sỹ T4 - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đoàn Thế Q - sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Hữu D - sinh năm 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Mai Văn L - sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đỗ Xuân V - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Lê Thị Y - sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Lê Thị P - sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Hoàng Văn T5 - sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Ngô Tiến C1 - sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Bùi Văn Q1 - sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Phạm Thị L1 - sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Nguyễn Văn T6 - sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Mai Quyết T7 - sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Văn Doãn H2 - sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Lê Thu T8 - sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 14/12/2022, Cao Như L điều khiển xe mô tô không gắn BKS tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm khi đi đến đường Thanh Niên thuộc thị trấn P, huyện Quảng Xương thì bị lực lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với đội CSGT Công an huyện Quảng Xương yêu cầu dừng xe, kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra L không xuất trình được giấy tờ đăng ký và bằng lái xe. Kiểm tra trong cốp xe lực lượng chức năng phát hiện có 04 hợp đồng cho vay tiền, L thừa nhận các hợp đồng cho vay trên đều có lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Nhận thấy L có dấu hiệu của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đội CSGT Công an huyện Quảng Xương đã chuyển lại biên bản sự việc cùng tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương để điều tra. Tang vật thu giữ gồm 01 chiếc điện thoại iphone 12 pro max, 01 điện thoại Iphone 5SE, 04 hợp đồng cho vay cá nhân và 12.300.000đ.

Kết quả điều tra xác định: Do có mối quan hệ quen biết với Lê Thiên V nên từ cuối năm 2021, V nói với L lấy tiền của V mang đi cho khách vay với lãi suất từ 3000đ/01triệu/01ngày để thu lời và sẽ trả công cho L 5.000.000đ/ 1

tháng, L đồng ý. Sau đó để khách biết liên lạc vay tiền L đã in giấy kèm số điện thoại 0967146853 của L đi rải dọc đường trên địa bàn huyện Quảng Xương. Mỗi khi có khách vay tiền, L nói lại với V để V đưa tiền cho L đưa cho khách vay. V và L đã dùng số tiền 145.000.000đ cho 08 khách vay thu lãi bất chính 29.069.863đ. Đến ngày 17/06/2022 thì Lê Thiên V và Lê Văn Đ bàn bạc và góp tiền thành lập Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất do Đ làm Giám đốc; rồi dùng một phần số tiền V và Đ góp để cho một số khách vay với mức lãi suất từ 4.000đ đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày để thu lãi bất chính từ khách vay tiền; đồng thời thỏa thuận lợi nhuận từ việc cho khách vay thì V và Đ chia đôi. Do trước đó L đã giúp V cho một số khách vay tiền với lãi suất cao nên V giới thiệu L vào làm trong Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất để làm cho V và Đ; hàng tháng V và Đ sẽ trả tiền công 5.000.000đ cho L, L đồng ý. V, Đ, L đã dùng số tiền 30.000.000đ cho 03 khách vay, thu lãi bất chính 5.246.575đ. Đến ngày 11/07/2022, Ngô Anh T là bạn của V và Đ biết việc V và Đ góp tiền thành lập Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất nên T đã xin V và Đ được góp tiền vào Công ty thì V và Đ đồng ý. Sau khi T góp tiền vào Công ty thì V và Đ mỗi người rút lại 80.000.000đ trong tổng số tiền V và Đ đã góp trước đó để thành lập Công ty. Tổng số tiền V, Đ và T góp được là 500.000.000đ (V và Đ góp mỗi người 200.000.000đ, T góp 100.000.000đ). V, Đ và T thỏa thuận sẽ dùng một phần tiền của Công ty để cho các khách vay tiền với lãi suất cao. Tiền thu lãi từ việc cho khách vay tiền hàng tháng được chia theo tỷ lệ V và Đ mỗi người được hưởng 40%, T được hưởng 20%. Hàng tháng V, Đ và T trả cho L 5.000.000đ để L giúp V, Đ và T cho khách vay tiền. Từ 11/7/2022 đến ngày bị phát hiện Đ, V, T, L đã dùng số tiền 429.000.000đ cho 17 khách vay, thu lãi bất chính 60.872.466đ.

Quá trình hoạt động cho vay các bị cáo đều thống nhất với nhau mức lãi suất cho vay từ 4000đ/01 triệu/01 ngày trở lên và không thu phí làm hồ sơ của khách vay.

Đến ngày 16/09/2022 V, Đ và T bàn bạc mở thêm dịch vụ cầm đồ để hoạt động tại trụ sở công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất nhưng do Đ đã đứng tên công ty nên không thể đăng ký thêm dịch vụ cầm đồ ở cùng một địa điểm nên Vũ đã nhờ chị Lê Thu T8 (vợ của V) đứng tên, còn mọi hoạt động cho vay hoặc cầm đồ chị T8 không tham gia.

Quá trình điều tra, căn cứ vào lời khai Cao Như L và các tài liệu chứng cứ khác, cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Như L, Lê Văn Đ, Lê Thiên V và trụ sở Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất ở thị trấn P, huyện Quảng Xương. Tại nơi ở của Lê Văn Đ, cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 điện thoại Iphone 6 đã qua sử dụng của Lê Văn Đ. Tại trụ sở Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất, cơ quan CSĐT thu giữ 01 chiếc két sắt, bên trong có các giấy tờ liên quan đến việc thành lập và hoạt động cho vay, cầm đồ của công ty Tín Nhất. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe mô tô BKS 36B2 - 06028; 01 xe mô tô BKS 36B3 - 68700; 01 xe mô tô BKS 36F8 - 8238; 01 xe mô tô BKS 36B5 - 99337 và 01 xe mô tô 36B2-74653. Tại nơi ở của Lê Thiên V thu giữ số tiền 49.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định từ cuối năm 2021 cho đến khi bị CQĐT phát hiện tội phạm, Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Ngô Anh T và Cao Như L đã có hành vi cho 23 người vay để thu lãi bất chính cụ thể như sau:

* Từ ngày 10/12/2021 đến ngày 17/6/2022, V và L đã dùng tiền của V cho 08 người vay với lãi suất cao để thu lãi bất chính, cụ thể như sau:

1. Ngày 10/12/2021 V và L cho anh Lê Sỹ H (ở xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 ngày/1 triệu tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh H vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh H số tiền 8.000.000đ. Mỗi ngày anh H phải trả cho V và L số tiền gốc là 200.000đ. Đến ngày 28/01/2022 anh H đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền lãi V và L thu lãi bất chính là 1.726.027đ.

2. Ngày 17/12/2021 V và L cho anh Lê Thiên H1 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá) vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh H1 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh H1 số tiền 8.000.000đ. Mỗi ngày anh H1 phải trả cho V và L số tiền gốc là 200.000đ. Đến ngày 05/02/2022, anh H1 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền lãi V và L thu lãi bất chính là 1.726.027đ.

3. V và L cho anh Trần Văn T1 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 05 lần. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 28/12/2021 V và L cho anh T1 vay 10.000.000đ, thời hạn vay trong vòng 40 ngày. Anh T1 phải trả tiền lãi của khoản vay là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh T1 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi và thu 500.000đ phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh T1 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T1 phải trả cho V và L 250.000đ tiền gốc. Đến ngày 05/01/2022, anh T1 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ cho V và L. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 219.178đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 1.780.822đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

- Ngày 05/01/2022 V và L cho anh T1 vay 10.000.000đ, thời hạn vay trong vòng 40 ngày. Anh T1 phải trả tiền lãi của khoản vay là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh T1 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi và thu 500.000đ phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh T1 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T1 phải trả cho V và L 250.000đ tiền gốc. Đến ngày 13/02/2022 anh T1 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ cho V và L. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là

219.178đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 1.780.822đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

- Ngày 13/02/2022 V và L cho anh T1 vay 10.000.000đ, thời hạn vay trong vòng 40 ngày. Anh T1 phải trả tiền lãi của khoản vay là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh T1 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi và thu 500.000đ phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh T1 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T1 phải trả cho V và L 250.000đ tiền gốc. Đến ngày 24/03/2022, anh T1 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ cho V và L. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 219.178đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 1.780.822đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

- Ngày 24/03/2022 V và L cho anh T1 vay 10.000.000đ, thời hạn vay trong vòng 40 ngày. Anh T1 phải trả tiền lãi của khoản vay là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh T1 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi và thu 500.000đ phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh T1 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T1 phải trả cho V và L 250.000đ tiền gốc. Đến ngày 02/05/2022, anh T1 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ cho V và L. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 219.178đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 1.780.822đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

- Ngày 02/05/2022 V và L cho anh T1 vay 10.000.000đ, thời hạn vay trong vòng 40 ngày. Anh T1 phải trả tiền lãi của khoản vay là 5.000đ/1triệu/1ngày tương đương 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho anh T1 vay tiền, Long cắt trước 2.000.000đ tiền lãi và thu 500.000đ phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh T1 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T1 phải trả cho V và L 250.000đ tiền gốc. Đến ngày 10/06/2022 anh T1 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ cho V và L. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 219.178đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 1.780.822đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

Tổng số tiền V và L cho anh T1 vay 05 lần là 50.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 1.095.890đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T1 là 8.904.110đ và số tiền L thu bất hợp pháp là 2.500.000đ.

4. Ngày 10/01/2022 V và L cho chị Đỗ Thị L(ở xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 20.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị L vay tiền, L cắt trước 4.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho chị L số tiền 16.000.000đ. Mỗi ngày chị L phải trả cho V và L số tiền gốc là 400.000đ. Đến ngày 01/03/2022 chị L đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 20.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy

định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 547.945đ. Số tiền V và L thu lời bất chính là 3.452.055đ.

5. V và L cho anh Đỗ Văn T2 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 02 lần; các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 19/01/2022 V và L cho anh T2 vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T2 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 500.000đ tiền phí làm hồ sơ cho anh T2 rồi đưa cho anh T2 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T2 phải trả cho V và L số tiền gốc là 200.000đ. Đối với khoản vay này, anh T2 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T2 là 1.726.027đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

- Ngày 16/04/2022 V và L cho anh T2 vay 15.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 ngày/1 triệu tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T2 vay tiền, L cắt trước 3.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 500.000đ tiền phí làm hồ sơ cho anh T2 rồi đưa cho anh T2 số tiền 11.500.000đ. Mỗi ngày anh T2 phải trả cho V và L số tiền gốc là 300.000đ. Đối với khoản vay này, anh T2 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 15.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 410.959đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T2 là 2.589.041đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

Tổng số tiền V và L cho anh T2 vay 02 lần là 25.000.000đ. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của anh T2 là 4.315.068đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 1.000.000đ.

6. Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2022 V và L cho anh Nguyễn Thành C (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày với lãi suất 6.667đ/1 ngày/1 triệu tương đương lãi suất 243,3%/năm; gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh C vay tiền, Long cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh C số tiền 8.000.000đ. Đến hạn phải trả nợ do không có tiền để trả cho V và L nên anh C xin gia hạn thêm 10 ngày. V và L đồng ý cho anh C gia hạn thêm 10 ngày với điều kiện anh C phải trả thêm cho V và L 500.000đ tiền lãi, anh C đồng ý. Đối với khoản vay này, anh C đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 205.479đ, số tiền V và L thu lời bất chính là 2.294.521đ.

7. Ngày 26/05/2022 V và L cho chị Lê Thị T3 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị T3 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 200.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi

đưa cho chị T3 số tiền 7.800.000đ. Mỗi ngày chị T3 phải trả cho V và L số tiền gốc là 200.000đ. Đến ngày 14/07/2022 chị T3 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu của chị T3 là 1.726.027đ, số tiền L thu bất hợp pháp là 200.000đ.

8. Vào khoảng tháng 2 năm 2022 V và L cho anh Bùi Sỹ T4 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 3.000đ/1 ngày/1 triệu tương đương lãi suất 109,5%/năm; gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T4 vay tiền, L cắt trước 1.500.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh T4 số tiền 8.500.000đ. Mỗi ngày anh T4 phải trả cho V và L số tiền gốc là 200.000đ. Đối với khoản vay trên anh T4 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền V và L thu lãi bất chính là 1.226.027đ.

Như vậy từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày 17/06/2022 V và L cho 08 khách vay với tổng số tiền là 145.000.000đ với mức lãi suất gấp từ 5,48 lần đến 12,17 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 3.630.137đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V và L thu là 25.369.863đ; số tiền L thu phí làm hồ sơ (thu bất hợp pháp) của khách là 3.700.000đ.

* Từ ngày 17/6/2022 đến 11/7/2022 V, Đ và L đã cho 03 khách vay tiền lấy lãi cao để thu lãi bất chính, cụ thể như sau:

1. Ngày 18/6/2022 V, Đ và L cho anh Đoàn Thế Q (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh Q vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh Q số tiền 8.000.000đ. Mỗi ngày anh Q phải trả cho V, Đ và L số tiền gốc là 200.000đ. Đối với khoản vay trên anh Q đã trả hết cho V, Đ và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền V, Đ và L g thu lãi bất chính là 1.726.027đ.

2. Ngày 24/06/2022 V, Đ và L cho anh Nguyễn Văn S (ở xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146 %/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh S vay tiền, L cắt trước 3.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh S số tiền 12.000.000đ. Mỗi ngày anh S phải trả cho V, Đ và L số tiền gốc là 300.000đ. Đối với khoản vay trên anh S đã trả hết cho Vũ, Định và Long số tiền gốc là 15.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 410.959 đ. Số tiền V, Đ và L thu lãi bất chính là 2.589.041đ.

3. Ngày 25/6/2022 V, Đ và L cho chị Nguyễn Thị B (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay là 25 ngày với lãi suất 8.000đ/1triệu/1 ngày tương đương lãi suất 292%/năm; gấp 14,6 lần

mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị B vay tiền, L cắt trước 1.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho chị B số tiền 4.000.000đ. Mỗi ngày chị B phải trả cho V, Đ và L số tiền gốc là 200.000đ. Đối với khoản vay trên chị B đã trả hết cho V, Đ và L số tiền gốc là 5.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 68.493đ. Số tiền V, Đ và L thu lời bất chính là 931.507đ.

Như vậy từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 V và Đ đã cùng nhau góp tiền rồi đưa cho L 30.000.000đ để cho 03 khách vay với lãi suất gấp từ 7,3 lần đến 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 753.425đ. Số tiền V, Đ và L thu lời bất chính là 5.246.575đ.

* Từ ngày 11/7/2022 V, Đ, T và L đã cho 17 khách vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lời bất chính. Cụ thể như sau:

1. Ngày 06/08/2022 V, Đ, T và L cho anh Đoàn Thế Q (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh Q vay tiền, L cắt trước 4.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh Q số tiền 16.000.000đ. Mỗi ngày anh Q phải trả cho V, Đ và L số tiền gốc là 400.000đ. Đối với khoản vay trên anh Q đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc là 20.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 547.945đ. Số tiền V, Đ, T và L thu lời bất chính là 3.452.055đ.

2. V, Đ, T và L cho anh Đỗ Văn T2 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 02 lần; các lần vay cụ thể như sau:

Ngày 01/08/2022 V, Đ, T và L cho anh T2 vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T2 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 500.000đ tiền phí làm hồ sơ cho anh T2 rồi đưa cho anh T2 số tiền 7.500.000đ. Mỗi ngày anh T2 phải trả cho V, Đ, T và L số tiền gốc là 200.000đ. Đối với khoản vay này, anh T2 đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc là 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 1.726.027đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

Ngày 14/09/2022 V, Đ, T và L cho anh T2 vay 15.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T2 vay tiền, L cắt trước 3.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 500.000đ tiền phí làm hồ sơ cho anh T2 rồi đưa cho anh T2 số tiền 11.500.000đ. Mỗi ngày anh T2 phải trả cho V, Đ, T và L số tiền gốc là 300.000đ. Đối với khoản vay này, anh T2 đã trả hết cho V và L số tiền gốc là 15.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 410.959đ. Số tiền lãi

vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 2.589.041đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 500.000đ.

Tổng số tiền V, Đ, T và L cho anh T2 vay 02 lần là 25.000.000đ. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của anh T2 là 4.315.068đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 1.000.000đ.

3. Ngày 9/10/2022 V, Đ, T và L cho anh Nguyễn Hữu D (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 5.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh D vay tiền, L cắt trước 750.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh D số tiền 4.250.000đ. Đối với khoản vay này, anh D đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc là 5.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 82.192đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 667.808đ.

4. V, Đ, T và L cho anh Mai Văn L (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 02 lần; cụ thể như sau:

Ngày 28/09/2022 V, Đ, T và L cho anh L vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh L vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 300.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh L 7.700.000đ. Mỗi ngày anh L phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, anh L đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 1.726.027đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 300.000đ.

Ngày 16/11/2022 V, Đ, T và L cho anh L vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh L vay tiền, Long cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu 300.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa cho anh Linh 7.700.000đ. Mỗi ngày anh L phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, anh L đã trả cho V, Đ, T và L số tiền gốc 6.400.000đ và còn nợ số tiền gốc 3.600.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 2.026.027đ. Số tiền thu bất hợp pháp là 300.000đ.

Tổng số tiền V, Đ, T và L cho anh L vay 02 lần là 20.000.000đ. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 3.452.054đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 600.000đ. Hiện anh L đã trả 16.400.000đ tiền gốc và còn nợ 3.600.000đ tiền gốc.

5. V, Đ, T và L cho anh Đỗ Xuân V ở xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 02 lần; cụ thể như sau:

Ngày 03/10/2022 V, Đ, T và L cho anh V vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh V

vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay, thu 300.000đ tiền phí làm hồ sơ và thu luôn 1.000.000đ trong số tiền gốc rồi đưa cho anh V 6.700.000đ. Mỗi ngày anh V phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, anh V đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của anh V là 1.726.027đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 300.000đ.

Ngày 17/11/2022 V, Đ, T và L cho anh V vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 ngày/1triệu tương đương lãi suất 146%/ năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh V vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay, thu 300.000đ tiền phí làm hồ sơ và thu luôn 1.000.000đ trong số tiền gốc rồi đưa cho anh V 6.700.000đ. Mỗi ngày anh V phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, cho đến nay anh V đã trả được 8.000.000đ, còn nợ số tiền gốc 2.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của anh V là 1.726.027đ. Số tiền L bất hợp pháp là 300.000đ.

Tổng số tiền V, Đ, T và L cho anh V vay 02 lần là 20.000.000đ. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu là 3.452.054đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 600.000đ. Hiện anh V còn nợ 2.000.000đ tiền gốc.

6. V, Đ, T và L cho chị Lê Thị Y (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 02 lần; cụ thể như sau:

- Ngày 06/10/2022 V, Đ, T và L cho chị Y vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/ năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị Y vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay, thu 200.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa cho chị Y 7.800.000đ. Mỗi ngày chị Y phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, cho đến nay chị Y đã trả hết số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của chị Y là 1.926.027 đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 200.000đ.

- Ngày 26/11/2022 V, Đ, T và L cho chị Y vay 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/ năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị Y vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay, thu 200.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa cho chị Y 7.800.000đ. Mỗi ngày chị Y phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, cho đến nay chị Y đã trả hết số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của chị Y là 1.726.027 đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 200.000đ.

Tổng số tiền V, Đ, T và L cho chị Y vay 02 lần là 20.000.000đ. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của chị Y là 3.452.054đ L thu bất hợp pháp là 400.000đ.

7. Ngày 15/10/2022 V, Đ, T và L cho chị Lê Thị P (ở phường T, TP Thanh Hóa) vay 5.000.000đ, thời hạn vay là 2 tháng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị P vay tiền, L cắt trước 600.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên của khoản vay và thu 100.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa cho chị P 4.300.000đ. Đối với khoản vay này, chị Phụng đã trả hết cho V, Đ, T và L số tiền gốc 5.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 164.384 đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của chị P là 1.035.616đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 100.000đ.

8. Ngày 05/09/2022 V, Đ, T và L cho anh Hoàng Văn T5 (ở P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa) vay 10.000.000đ, thời hạn vay chấm dứt khi anh T5 trả hết tiền nợ gốc. Lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. L cắt lãi tháng đầu tiên là 1.200.000đ rồi đưa cho anh T5 số tiền 8.800.000đ. Quá trình vay, anh T5 đã trả được cho 03 tháng tiền lãi với số tiền 3.600.000đ. Tính đến ngày 14/12/2022 (ngày phát hiện tội phạm) anh T5 đã vay số tiền trên trong thời gian 3 tháng 10 ngày tương đương với số tiền lãi theo thỏa thuận sẽ là 4.000.000đ. Trong đó anh T5 đã trả được 03 tháng tiền lãi số tiền 3.600.000đ; còn nợ lại 10 ngày tiền lãi tương đương với số tiền 400.000đ và hiện tại anh T5 đã trả được 5.000.000đ tiền gốc. Với thời gian 3 tháng 10 ngày thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 547.945đ; do vậy số tiền V, T, Đ và L đã và sẽ thu lời bất chính là 3.452.055đ. Thực tế V, T, Đ và L đã thu lợi bất chính được số tiền là 3.106.849đ của anh T5.

9. Ngày 28/10/2022 V, Đ, T và L cho anh Ngô Tiến C1 (ở xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 10.000.000đ thời hạn vay là 30 ngày với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh C1 vay tiền, L cắt trước 1.500.000đ tiền lãi của khoản vay, rồi đưa cho anh C1 8.500.000đ. Đối với khoản vay này, cho đến nay anh C1 đã trả hết số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 164.384đ. Số tiền V, Đ, T và L thu lời bất chính là 1.335.616đ.

10. Ngày 02/11/2022 V, Đ, T và L cho anh Bùi Văn Q1 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 10.000.000đ thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh Q1 vay tiền, L thỏa thuận mỗi ngày anh Q1 phải trả 250.000đ (bao gồm 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi) và thu luôn 1.000.000đ tiền làm hồ sơ và đưa cho anh Q1 9.000.000đ. Tính đến ngày phát hiện tội phạm (14/12/2022) anh Q1 đã đóng được cho L 42 ngày tiền gốc và tiền lãi là 10.500.000đ (trong đó có 8.400.000đ tiền gốc và 2.100.000đ tiền lãi). Đối với khoản vay này, cho đến nay anh Q1 đã trả hết số tiền gốc 10.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 230.137đ. Số tiền lãi quá quy định V, Đ, T và L thu của anh Q1 là 1.869.863đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 1.000.000đ.

11. Ngày 07/11/2022 V, Đ, T và L cho chị Phạm Thị L1 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 20.000.000đ thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 ngày/1triệu tương đương lãi suất 146%/ năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị L1 vay tiền, L cắt trước 4.000.000đ tiền lãi của khoản vay và thu luôn 400.000đ tiền phí làm hồ sơ rồi đưa chị L1 15.600.000đ. Đối với khoản vay này, cho đến nay chị L1 đã trả được số tiền gốc 14.800.000đ, còn nợ 5.200.000đ tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 547.945đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L thu của chị L1 là 3.452.055đ. Số tiền L thu bất hợp pháp là 400.000đ.

12. Vào khoảng cuối tháng 11 năm 2022 V, Đ, T và L cho anh Nguyễn Thành C (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 243,3%/năm; gấp 12,17 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh C vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh C số tiền 8.000.000đ. Đến hạn phải trả nợ do không có tiền để trả nên anh C xin gia hạn thêm 10 ngày. L đồng ý cho anh C gia hạn thêm 10 ngày với điều kiện anh C phải trả thêm 500.000 tiền lãi, anh C đồng ý. Đối với khoản vay này, anh C chưa trả số tiền gốc là 1.000.000đ và 500.000đ tiền lãi. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 205.479đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ, T và L nhằm thu lợi bất chính là 2.294.521đ.

13. Vào ngày 04/12/2022 V, Đ, T và L cho anh Nguyễn Văn T6 (ở xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 146%/năm; gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh T6 vay tiền, L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh T6 số tiền 8.000.000đ. Mỗi ngày anh T6 phải trả 200.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, anh T6 đã trả được số tiền gốc là 6.000.000đ và còn nợ 4.000.000đ tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 273.973đ. Số tiền V, Đ, T và L thu lợi bất chính là 1.726.027đ.

14. Ngày 13/12/2022 V, Đ, T và L cho chị Đỗ Thị L (ở xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 15.000.000đ, thời hạn vay là 50 ngày với lãi suất 5.333đ/1 ngày/1triệu tương đương lãi suất 194,7%/năm; gấp 9,73 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị L vay tiền, Long cắt trước 4.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho chị L số tiền 11.000.000đ. Mỗi ngày chị L phải trả số tiền gốc là 300.000đ. Đối với khoản vay này, chị L đã trả được số tiền gốc là 4.600.000đ còn nợ số tiền gốc là 10.400.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 410.959đ. Số tiền V, Đ, T và L thu lợi bất chính là 3.589.041đ.

15. Ngày 14/12/2022 V, Đ, T và L cho chị Nguyễn Thị B (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 5.000.000đ, thời hạn vay là 25 ngày với lãi suất 8.000đ/1triệu/1 ngày tương đương lãi suất 292%/năm; gấp 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi chị B vay tiền, L

cắt trước 1.000.000đ tiền lãi của khoản vay tiền và thu luôn 200.000đ tiền gốc phải trả ngày 14/12/2022 rồi đưa cho chị B số tiền 3.800.000đ. Đối với khoản vay này, chị B còn nợ số tiền gốc là 4.800.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 68.493đ. Số tiền V, Đ, T và L thu lời bất chính là 931.507đ.

Như vậy từ ngày 11/07/2022 đến ngày 14/12/2022 V, Đ, T và L đã cho 15 khách vay tiền với tổng số tiền 205.000.000đ. Mức lãi suất cho vay từ 146%/năm đến 292%/năm; gấp từ 7,3 lần đến 14,6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 5.585.753đ. Số tiền lãi vượt quá quy định V, Đ T và L thu của những người vay là 38.477.398đ. Số tiền L thu phí làm hồ sơ của khách (thu bất hợp pháp) là 4.100.000đ.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định: Ngày 15/07/2022 V, Đ, T cho anh Mai Quyết T7 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 24.000.000đ, thời hạn vay là 01 ngày nên các đối tượng chỉ lấy 500.000đ tiền lãi tương đương mức lãi suất 760.4%/năm; gấp 38,02 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Đến khoảng 17giờ cùng ngày anh T7 đã trả cả tiền gốc và tiền lãi cho V, Đ và T với số tiền 24.500.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 13.151đ; số tiền V, Đ, T thu lời bất chính là 486.849đ. Ngày 06/12/2022 V, Đ và T cho anh Văn Doãn H2 (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay 200.000.000đ, thời hạn vay là 10 ngày với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/năm; gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi anh H2 vay tiền, Đ cắt trước 10.000.000đ tiền lãi của khoản vay rồi đưa cho anh H2 190.000.000đ. Đến hạn phải trả nợ do không có tiền nên anh H2 xin gia hạn khoản vay thêm 10 ngày thì Đ thu lãi thêm 10.000.000đ. Đối với khoản vay này cho đến nay anh H2 chưa trả được số tiền gốc cho V , Đ và T . Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 2.191.781đ. Số tiền V , Đ , T thu lời bất chính là 17.808.219đ.

Tổng số tiền thu lời bất chính của 02 khoản vay là 18.295.068đ. Đối với 02 khoản vay này V , Đ , T không thông qua L , L không biết và không tham gia nên L không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cao Như L còn khai nhận:

+ Ngày 28/06/2022 L cho chị Lê Thị V (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 20.000.000đ trong thời hạn 02 tháng với lãi suất 4.000đ/1triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 146 %/ năm; gấp 7,3 lần mức cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; số tiền lãi hàng tháng chị V phải trả là 2.400.000đ/tháng. Chị V đóng được cho L 02 tháng tiền lãi sau đó chị V bỏ đi làm ăn xa và không trả tiền gốc cho L . Đối với khoản vay này theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản là 657.653đ. Số tiền thu lời bất chính là 4.142.466đ.

+ Ngày 06/09/2022 L cho anh Trần Văn Đ (ở xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) vay số tiền 20.000.000đ trong thời hạn 50 ngày và ngày 15/09/2022 L cho anh Lê Bá D (ở xã G, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa)

vay số tiền 10.000.000đ trong thời hạn 50 ngày. Do quen biết nên L không thu lãi anh Đ và anh D mà chỉ yêu cầu anh Đ và anh D trả tiền gốc cho L nhưng cho đến nay anh Đ và anh D chưa trả tiền gốc cho L.

Căn cứ lời khai của Cao Như L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần đối với chị V, anh D và anh Đ nhưng chị V, anh D và anh Đ đều không có mặt tại nơi cư trú nên chưa tiến hành làm việc được. Mặt khác V, Đ, T không nhớ về những khoản vay này nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với L, Đ, V và T về các nội dung L khai báo nêu trên. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, do thời gian đã lâu nên các bị cáo V, Đ và T không nhớ cụ thể các khách vay tiền nhưng tại Cơ quan điều tra L khai nhận: Trước khi thành lập Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất mọi khách đến hỏi vay L thì L đều phải báo cáo lại cho V để V quyết định mức lãi suất và đưa tiền; V thừa nhận điều này. Sau khi Công ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất được thành lập V, Đ, T và L khai nhận mọi khách vay đều phải mang về công ty không được làm riêng, lợi nhuận chia theo số phần trăm tiền góp. V là người giữ tài chính, mỗi khi có khách vay thì V sẽ quản lý bằng phần mềm app Mecash V tải về điện thoại và ghi vào sổ theo dõi và thông báo cho Đ và T biết để cuối tháng tổng hợp để chia lợi nhuận theo phần trăm góp vốn; mọi khách đến vay tiền đều phải có lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/1 ngày trở lên, hằng ngày L phải đi thu tiền lãi và tiền vốn về. Ngoài ra V, Đ, T và L không thỏa thuận về việc thu phí làm hồ sơ của khách vay. Tất cả các khoản thu phí làm hồ sơ nhưng thực tế không làm, đây là các khoản thu bất hợp pháp đều do L tự ý thu mà V, Đ, T không biết và không được hưởng lợi do vậy đối với số tiền thu bất hợp pháp này Cao Như L phải chịu trách nhiệm một mình. Cơ quan điều tra cũng đã làm việc với 23 khách vay tiền của L và công ty TNHH bất động sản Tín Nhất từ ngày 10/12/2021 đến ngày 14/12/2022. Lời khai của các khách vay phù hợp với lời khai của Cao Như L, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được; vì vậy V, Đ, T và L phải chịu trách nhiệm chung với nhau về việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

** Về các biện pháp tư pháp:*

Đối với số tiền gốc 604.000.000đ V, Đ, T dùng tiền cá nhân cho vay là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó tịch thu của V, Đ và T 368.000.000đ (số tiền này người vay đã trả cho V, Đ và T); tịch thu 236.000.000đ của những người vay chưa trả, nộp vào ngân sách Nhà nước; cụ thể: của Phạm Thị L1 là 5.200.000đ, Mai Văn L 3.600.000đ, Nguyễn Thị B 4.800.000đ, Đỗ Xuân V 2.000.000đ, Nguyễn Văn T6 là 4.000.000đ, Đỗ Thị L 10.400.000đ, Nguyễn Thành C 1.000.000đ, Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ, Văn Doãn H2 là 200.000.000đ.

Đối với số tiền 12.065.205đ là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của V, Đ và T để sung công quỹ Nhà nước.

V, Đ và T còn phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính mà V, Đ, T đã thu. Cụ thể:

- V phải trả cho anh Đỗ Văn T2 là 4.315.068đ;
- V phải trả cho chị Lê Thị T3 là: 1.726.027đ;
- V phải trả cho anh Lê Thiên H: 1.726.027đ;
- V phải trả cho anh Trần Văn T1 là: 8.904.110đ;
- V phải trả cho anh Lê Sỹ H: 1.726.027đ;
- V phải trả cho anh Nguyễn Thành C : 2.294.521đ;
- V, Đ phải trả cho anh Đoàn Thế Q là: 1.726.027đ;
- V, Đ phải trả cho cho chị Nguyễn Thị B là 931.507đ;
- V, Đ phải trả cho anh Nguyễn Văn S: 2.589.041đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Đoàn Thế Q: 3.452.055đ;
- V, Đ và T phải trả cho chị Nguyễn Thị B: 931.507đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Mai Quyết T7 là: 486.849đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Lê Hữu D: 667.808đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Nguyễn Thành C: 2.294.521đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Bùi Sỹ T4 là: 1.226.027đ;
- V, Đ và T phải trả cho anh Đỗ Văn T2 là: 6.315.068đ;
- V, Đ và T phải trả cho chị Phạm Thị L1 là: 3.452.055đ.

L phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính (thu phí làm hồ sơ). Cụ thể:

- Trả cho chị Lê Thị T3 là: 200.000đ;
- Trả cho anh Trần Văn T1 là: 2.000.000đ;
- Trả cho anh Đỗ Văn T2 là: 2.000.000đ;
- Trả cho chị Phạm Thị L1 là: 400.000đ;

Ngoài ra, hàng tháng L được trả công 5.000.000đ, tính đến ngày phát hiện tội phạm L đã được nhận 60.000.000đ. Số tiền này L có được từ việc phạm tội mà có nên phải truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền này.

Đối với Đỗ Xuân V, Nguyễn Văn T6, Hoàng Văn T5, Đỗ Thị L, Bùi Văn Q1, Lê Thị Y, Lê Thị P, Ngô Tiến C1, Mai Văn L, Văn Doãn H2 không yêu cầu V, Đ, T và L phải trả lại khoản tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định của pháp luật và tiền thu lời bất chính khác.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 SE màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của Cao Như L; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Lê Văn Đ. Đây là 03 chiếc điện thoại do L và Đ dùng để liên lạc thông tin về khách vay tiền với V và T là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 49.000.000đ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét tại nhà Lê Thiên V. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của chị Lê Thu T8 (vợ của V) vay của anh Lê Thiên Đ ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa không liên quan đến hành vi phạm tội của ừ nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T8 số tiền trên là phù hợp.

Đối với 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Mỹ, màu xám thu giữ tại cơ sở cầm đồ Tín Nhất không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thu T8 là phù hợp.

Đối với số tiền 12.300.000đ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Cao Như L . Quá trình điều tra xác định đây là tiền của bà Mai Thị V ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (mẹ của L); số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của L nên cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà V là phù hợp.

05 xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS: 36B2 - 06028, xe mô tô BKS: 36B3 - 68700; xe mô tô BKS: 36B5 - 99337, xe mô tô BKS: 36B2 - 74653, xe mô tô BKS: 36F8 - 5238 cùng giấy tờ xe Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét cơ sở cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định 04 xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS: 36B2 - 06028, xe mô tô BKS: 36B3- 68700, xe mô tô BKS: 36B5 - 99337 và xe mô tô BKS: 36B2 - 74653 không liên quan đến vụ án cho vay lãi này. Tuy nhiên, việc các đối tượng cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ là lỗi vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã chuyển hồ sơ cùng tang vật đề nghị Công an huyện Quảng Xương ra Quyết định xử lý hành chính là phù hợp. Đối với xe mô tô BKS: 36F8 - 5238 là xe của ông Nguyễn Huy D ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (là chủ nhà cho cơ sở Tín Nhất thuê làm trụ sở) khi khám xét cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ cùng với 04 xe mô tô trên, chiếc xe này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông D là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định để thuận tiện cho việc theo dõi khách đến vay tiền, lời lãi thế nào thì V tổng hợp ghi vào 01 cuốn sổ và nhập vào phần mềm mecash V tải trên mạng vào điện thoại iphone 5SE của V. Sau khi biết Đ và L bị cơ quan Công an bắt thì V đã đốt cuốn sổ và vứt chiếc điện thoại di động ở đâu Vũ không nhớ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại iphone 6, T dùng để liên lạc, trao đổi về thông tin khách vay với Đ và V. T khai quá trình làm ăn ở tỉnh Thừa Thiên Huế, T đã bị rơi mất chiếc điện thoại nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại này.

Trong vụ án này còn có hành vi của Lê Thu T8 (vợ của V) là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định V để cho T8 đứng tên chủ cửa hàng. Việc V , Đ , T và L cho các khách vay lãi nhằm thu lời bất chính T8 không biết cũng không tham gia nên không có căn cứ để xử lý Lê Thu T8.

Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Huy D (chủ nhà cho Công Ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất thuê làm trụ sở), khi cho thuê nhà ông D không biết việc các đối tượng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không có căn cứ để xử lý với Nguyễn Huy D . Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông của L , Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đội Cảnh sát giao thông để xử phạt vi phạm hành chính đối với L .

Tại bản cáo trạng số 36/Ctr - VKSQX ngày 19/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố các bị cáo Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Cao

Như L và Ngô Anh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Thiên V. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thiên V từ 20 đến 23 tháng Cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Văn Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2022 đến ngày 22/12/2022) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Cao Như L. Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Như L từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 21/12/2022) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Ngô Anh T. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Anh T từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS: Phạt bị cáo Lê Thiên V từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ; phạt bị cáo Lê Văn Đ và Cao Như L mỗi bị cáo từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ; phạt bị cáo Ngô Anh T từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc mà Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội:

+ Đối với số tiền 145.000.000đ mà 08 khách vay đã trả cho Lê Thiên V trong giai đoạn từ ngày 10/12/2021 đến 17/6/2022. Trong đó có khoản vay đối với anh Trần Văn T1. Xác định các khoản vay vào ngày 05/01/2022; ngày 13/02/2022; ngày 24/3/2022; ngày 02/5/2022, xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 28/12/2021. Vì vậy cần xác định số tiền Lê Thiên V cho anh Trần Văn T1 vay và đã thu lại được của anh T1 là 10.000.000đ. Như vậy có thể xác định tổng số tiền V đã sử dụng để làm công cụ phương tiện phạm tội là 105.000.000đ.

+ Đối với số tiền 30.000.000đ mà 03 khách vay đã trả cho Lê Thiên V và Lê Văn Đ giai đoạn từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các bị cáo V và Đ mỗi bị cáo 15.000.000đ (theo thỏa thuận góp vốn ăn chia lợi nhuận 50/50).

+ Đối với số tiền 393.000.000đ mà các khách vay đã trả cho Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T trong giai đoạn từ ngày 11/7/2022 cho đến nay. Trong đó có khoản vay đối với anh Mai Văn L vào ngày 16/11/2022, xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 28/9/2022. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền V, Đ và T sử dụng cho anh L vay và đã thu lại được của anh L là 10.000.000đ; tương tự đối với khoản vay của chị Lê Thị Y vay ngày 26/11/2022 xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 06/10/2022. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền V, Đ và T sử dụng cho chị Y vay và đã thu lại được là 10.000.000đ. Như vậy, phải tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 373.000.000đ của các bị cáo V, Đ và T là số tiền dùng làm công cụ phương tiện phạm tội. Đối với số tiền trên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định: Sau khi khởi tố vụ án, các khách vay đã trả lại cho Vũ số tiền gốc gồm có: Đỗ Xuân V 3.000.000đ, Nguyễn Văn T6 là 6.000.000đ, Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ, Đỗ Thị L 4.000.000đ, Bùi Văn Q1 là 1.600.000đ, Lê Thị Y 6.200.000đ, Lê Thị P 5.000.000đ, Nguyễn Thành C 9.000.000đ. Tổng số tiền các khách vay đã trả cho V là 39.800.000đ, nên phải trực tiếp tịch thu từ V số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với khoản vay 200.000.000đ của anh Văn Doãn H2 trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh H2 đã trả lại số tiền trên cho Lê Văn Đ, nên cần trực tiếp tịch thu của Lê Văn Đ số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc còn lại là 133.200.000đ thì phải tịch thu từ V, Đ và T theo thỏa thuận tỷ lệ góp vốn và ăn chia lợi nhuận giữa Vũ, Định và Tùng là 40%-40% - 20%. Cụ thể: Tịch thu của Lê Thiên V là 53.280.000đ. Tịch thu của bị cáo Lê Văn Đ số tiền 53.280.000đ. Tịch thu đối với bị cáo Ngô Anh T 26.640.000đ.

Tổng số tiền gốc phải tịch thu của các bị cáo để sung vào Ngân sách Nhà nước như sau: Tịch thu của Lê Thiên V tổng số tiền là 213.080.000đ; tịch thu của Lê Văn Đ tổng số tiền gốc là 268.280.000đ; tịch thu của Ngô Anh T tổng số tiền gốc là 26.640.000đ.

- Đối với số tiền 12.065.205đ là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội, chia theo tỷ lệ góp vốn và ăn chia lợi nhuận nên cần tịch thu của V, Đ và T để sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: Tịch thu của Lê Thiên V: 7.079.506đ; của Lê Văn Đ 3.449.369đ; của Ngô Anh T 1.536.228đ.

Vậy tổng số tiền tịch thu của Lê Thiên V để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 213.080.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 7.079.506đ) là 220.159.506đ (*Hai trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm linh sáu đồng*). Tổng số tiền tịch thu của Lê Văn Đ để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 268.280.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 3.449.369đ) là 271.729.369đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng*). Tổng số tiền tịch thu của Ngô Anh T để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 26.640.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 1.536.228đ) là 28.176.228đ (*Hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm hai*

mười tám đồng). Tịch thu của Cao Như L 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là tiền công hàng tháng, đây là tiền có được từ việc phạm tội mà có, để sung vào Ngân sách nhà nước.

* Đối với số tiền gốc các khách vay chưa trả cho Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T là 36.000.000đ cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tịch thu của Phạm Thị L1 là 5.200.000đ; tịch thu của Mai Văn L 3.600.000đ; tịch thu của Nguyễn Thị B 4.800.000đ; tịch thu của Đỗ Xuân V 2.000.000đ; tịch thu của Nguyễn Văn T6 là 4.000.000đ; tịch thu của Đỗ Thị L 10.400.000đ; tịch thu của Nguyễn Thành C 1.000.000đ; tịch thu của Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ.

* V, Đ và T phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính mà V, Đ, T đã thu. Cụ thể:

Lê Thiên V phải trả cho các khách vay tiền đã vay của V từ ngày 10/12/2021 đến 17/6/2022, liên đới cùng Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V và Định từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa V và Đ và liên đới cùng Lê Văn Đ và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40% /20% giữa V, Đ và T. Cụ thể Lê Thiên V phải trả lại cho: Anh Đỗ Văn T2 là 6.841.095đ; chị Lê Thị T3 là: 1.726.027đ; anh Lê Thiên H: 1.726.027đ; anh Trần Văn T1 là: 8.904.110đ; anh Lê Sỹ H: 1.726.027đ; anh Nguyễn Thành C: 3.212.329đ; anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Nguyễn Thị B 838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D 267.123đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Lê Văn Đ phải liên đới trả cho các khách vay tiền của Đ và V từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa Đ và V ; liên đới cùng Lê Thiên V và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40% /20% giữa V, Đ và T. Cụ thể Lê Văn Đ phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Vũ Thị B 838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D 267.123đ; anh Nguyễn Thành C 917.808đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ; anh Đỗ Văn T2 là 2.526.027đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Ngô Anh T liên đới cùng với Lê Thiên V và Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 20%/40% /40% giữa T, V và Đ. Cụ thể Ngô Anh T phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 690.411đ; chị Nguyễn Thị B 186.301đ; anh Mai Quyết T7 là 97.369đ; anh Lê Hữu D 133.561đ; anh Nguyễn Thành 458.904đ; anh Bùi Sỹ T4 là 245.205đ; anh Đỗ Văn T2 là 1.263.013đ và chị Phạm Thị L1 là 690.411đ.

* Cao Như L phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính (thu phí làm hồ sơ). Cụ thể: Trả cho chị Lê Thị T3 là 200.000đ; trả cho anh Trần Văn T1 là 2.000.000đ; trả cho anh Đỗ Văn T2 là 2.000.000đ và trả cho chị Phạm Thị L1 là 400.000đ.

* Đối với Đỗ Xuân V , Nguyễn Văn T6 , Hoàng Văn T5, Đỗ Thị L, Bùi Văn Q1, Lê Thị Y1, Lê Thị P1, Ngô Tiến C1, Mai Văn L , Văn Doãn H2 không yêu cầu V , Đ , T và L phải trả lại khoản tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định của pháp luật và tiền thu lời bất chính khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 SE màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của Cao Như L ; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Lê Văn Đ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 49.000.000đ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét tại nhà Lê Thiên V. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của chị Lê Thu T8 (vợ của V) vay của anh Lê Thiên Đ ở thị trấn P, huyện Quảng Xương không liên quan đến hành vi phạm tội của V nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T8 số tiền trên là phù hợp.

Đối với 01 két sắt nhãn hiệu Việt Mỹ, màu xám bên trong có một số giấy tờ liên quan đến hoạt động cầm đồ thu giữ tại cơ sở cầm đồ Tín Nhất không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thu T8 là phù hợp.

Đối với số tiền 12.300.000đ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Cao Như L. Quá trình điều tra xác định đây là tiền của bà Mai Thị V ở thị trấn P, huyện Quảng Xương (mẹ của L), số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của L nên đã trả lại cho bà V là phù hợp.

Đối với 05 xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS: 36B2 - 06028; xe mô tô BKS: 36B3 - 68700; xe mô tô BKS 36B5 - 99337; xe mô tô BKS: 36B2 - 74653; xe mô tô BKS: 36F8-5238 cùng giấy tờ xe Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét cơ sở cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định 04 xe mô tô BKS: 36B2 - 06028, xe mô tô BKS: 36B3 - 68700; xe mô tô BKS: 36B5 - 99337 và xe mô tô BKS: 36B2 - 74653 không liên quan đến vụ án cho vay lãi này. Tuy nhiên, việc các đối tượng cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ là lỗi vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã chuyển hồ sơ cùng tang vật đề nghị Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp. Đối với xe mô tô BKS: 36F8 - 5238 là xe của ông Nguyễn Huy D ở thị trấn P, huyện Quảng Xương (là chủ nhà cho cơ sở Tín Nhất thuê làm trụ sở) khi khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ cùng với 04 xe mô tô trên, chiếc xe không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông D là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định để thuận tiện cho việc theo dõi khách đến vay tiền, lời lãi thế nào thì V tổng hợp ghi vào 01 cuốn sổ và nhập vào phần mềm mecash Vũ tải trên mạng vào điện thoại iphone 5SE của V. Sau khi biết Đ và L bị cơ quan công an bắt thì V đã đốt cuốn sổ và vứt chiếc điện thoại đi ở đâu V không nhớ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại iphone 6, T dùng để liên lạc, trao đổi về thông tin khách vay với Đ và V. T khai quá trình làm ăn ở tỉnh Thừa Thiên Huế, T đã

bị rơi mất chiếc điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại này.

Trong vụ án này còn có hành vi của Lê Thu T8 (vợ của V) là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định Vũ để cho T8 đứng tên chủ cửa hàng. Việc V, Đ, T và L cho các khách vay lãi nhằm thu lời bất chính T8 không biết cũng không tham gia nên không có căn cứ để xử lý Lê Thu T8.

Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Huy D (chủ nhà cho Công Ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất thuê làm trụ sở), khi cho thuê nhà ông D không biết việc các đối tượng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không có căn cứ để xử lý với Nguyễn Huy D. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đội Cảnh sát giao thông để xử phạt vi phạm hành chính đối với L.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày 14/12/2022 Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Ngô Anh T và Cao Như L đã có hành vi dùng tiền cá nhân cho 23 người vay với tổng số tiền vay là 604.000.000đ; mức lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 760,4%/năm, gấp từ 5,48 lần đến 38,02 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lời bất chính từ 56.772.466đ đến 87.019.041đ. Cụ thể như sau:

- Lê Thiên V phải chịu trách nhiệm chung cùng với Đ, T và L cho 23 khách vay với tổng số tiền 604.000.000đ. Mức lãi suất cho vay từ 109,5%/ năm đến 760,4%/năm gấp từ 5,48 lần đến 38,02 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lời bất chính 87.388.904đ.

- Lê Văn Đ phải chịu trách nhiệm chung cùng với V, T và L cho 18 khách vay với tổng số tiền 459.000.000đ. Mức lãi suất cho vay từ 146%/ năm đến 760,4%/năm gấp từ 7,3 lần đến 38,02 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lời bất chính 62.019.041đ.

- Ngô Anh T phải chịu trách nhiệm chung cùng V, Đ và L cho 17 khách vay với tổng số tiền 429.000.000đ. Mức lãi suất cho vay từ 146%/ năm đến 760,4%/năm gấp từ 7,3 lần đến 38,02 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lời bất chính 56.722.466đ.

- Cao Như L phải chịu trách nhiệm chung cùng với V, Đ và T cho 21 khách vay tiền với tổng số tiền 380.000.000đ. Mức lãi suất cho vay từ 109,5%/ năm đến 292%/năm gấp từ 5,13 lần đến 14,6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thu lời bất chính 76.893.836đ (trong đó có số tiền L phải chịu trách nhiệm chung cùng với V, Đ và T 69.093.836đ và số tiền L thu bất hợp pháp từ các khách vay 7.800.000đ)

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của các bị cáo:

- Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; trong đó Lê Thiên V là người khởi xướng, góp tiền để cho vay và hưởng 40% tiền lời nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Lê Văn Đ khi được V rủ rê đã đồng ý góp tiền để cho vay và được hưởng 40% tiền lời; Cao Như L mặc dù không dùng tiền cá nhân để cho khách vay tuy nhiên L khi được Vũ rủ rê đã đồng ý tham gia giúp sức tích cực, rủ rê tìm khách vay, trực tiếp giao dịch với khách, giao tiền và đi thu lãi, hàng tháng L cũng được trả công 5.000.000đ và L cũng trực tiếp thu lợi cho cá nhân thông qua việc thu phí làm hồ sơ của khách nên Đ và L giữ vai trò ngang nhau thứ hai trong vụ án. Ngô Anh T khi biết Đ và V cho khách vay với lãi cao đã chủ động xin được góp vốn cùng Định và Vũ để kiếm tiền lời và được hưởng 20% tiền lời nên T giữ vai trò thứ ba trong vụ án này.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thiên V đang có tiền án về tội “Đánh bạc” nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Các bị cáo Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn Đ có bố đẻ tham gia kháng chiến và là bệnh binh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án và nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo HĐXX xét thấy cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo thuộc diện lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 của BLHS.

Phạt bị cáo Lê Thiên V 40.000.000đ; phạt bị cáo Lê Văn Đ và Cao Như L mỗi bị cáo 35.000.000đ; phạt bị cáo Ngô Anh T 30.000.000đ.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6. 1] Về biện pháp tư pháp:

* Đối với số tiền gốc mà Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội:

- Đối với số tiền 145.000.000đ mà 08 khách vay đã trả cho Lê Thiên V trong giai đoạn từ ngày 10/12/2021 đến 17/6/2022. Trong đó có khoản vay đối với anh Trần Văn T1. Xác định các khoản vay vào ngày 05/01/2022; ngày 13/02/2022; ngày 24/3/2022; ngày 02/5/2022, xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 28/12/2021. Vì vậy cần xác định số tiền Lê Thiên V cho anh Trần Văn T1 vay và đã thu lại được của anh T1 là 10.000.000đ. Như vậy có thể xác định tổng số tiền V đã sử dụng để làm công cụ phương tiện phạm tội là 105.000.000đ.

- Đối với số tiền 30.000.000đ mà 03 khách vay đã trả cho Lê Thiên V và Lê Văn Đ giai đoạn từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các bị cáo V và Đ mỗi bị cáo 15.000.000đ (theo thỏa thuận góp vốn ăn chia lợi nhuận 50/50).

- Đối với số tiền 393.000.000đ mà các khách vay đã trả cho Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T trong giai đoạn từ ngày 11/7/2022 cho đến nay. Trong đó có khoản vay đối với anh Mai Văn Linh vào ngày 16/11/2022, xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 28/9/2022. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền V, Đ và T sử dụng cho anh L vay và đã thu lại được

của anh L là 10.000.000đ; tương tự đối với khoản vay của chị Lê Thị Y vay ngày 26/11/2022 xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 06/10/2022. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền V, Đ và T sử dụng cho chị Y vay và đã thu lại được là 10.000.000đ. Như vậy, phải tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 373.000.000đ của các bị cáo V, Đ và T là số tiền dùng làm công cụ phương tiện phạm tội. Đối với số tiền trên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định: Sau khi khởi tố vụ án, các khách vay đã trả lại cho V số tiền gốc gồm có: Đỗ Xuân V 3.000.000đ, Nguyễn Văn T6 là 6.000.000đ, Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ, Đỗ Thị L 4.000.000đ, Bùi Văn Q1 là 1.600.000đ, Lê Thị Y 6.200.000đ, Lê Thị P 5.000.000đ, Nguyễn Thành 9.000.000đ. Tổng số tiền các khách vay đã trả cho V là 39.800.000đ, nên phải trực tiếp tích thu từ V số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với khoản vay 200.000.000đ của anh Văn Doãn H2 trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh H2 đã trả lại số tiền trên cho Lê Văn Đ, nên cần trực tiếp tích thu của Lê Văn Đ số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc còn lại là 133.200.000đ thì phải tích thu từ V, Đ và T theo thỏa thuận tỷ lệ góp vốn và ăn chia lợi nhuận giữa V, Đ và T là 40%- 40% - 20%. Cụ thể: Tích thu của Lê Thiên V là 53.280.000đ. Tích thu của bị cáo Lê Văn Đ số tiền 53.280.000đ. Tích thu đối với bị cáo Ngô Anh T 26.640.000đ.

Như vậy tổng số tiền gốc phải tích thu của các bị cáo để sung vào Ngân sách Nhà nước như sau: Tích thu của Lê Thiên V tổng số tiền là 213.080.000đ; tích thu của Lê Văn Đ tổng số tiền gốc là 268.280.000đ; tích thu của Ngô Anh T tổng số tiền gốc là 26.640.000đ.

- Đối với số tiền 12.065.205đ là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội, chia theo tỷ lệ góp vốn và ăn chia lợi nhuận nên cần tích thu của V, Đ và T để sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: Tích thu của Lê Thiên V : 7.079.506đ; của Lê Văn Đ 3.449.369đ; của Ngô Anh T 1.536.228đ.

Vậy tổng số tiền tích thu của Lê Thiên V để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 213.080.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 7.079.506đ) là 220.159.506đ (Hai trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm linh sáu đồng). Tổng số tiền tích thu của Lê Văn Đ để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 268.280.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 3.449.369đ) là 271.729.369đ (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng). Tổng số tiền tích thu của Ngô Anh T để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 26.640.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 1.536.228đ) là 28.176.228đ (Hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng). Tích thu của Cao Như L 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền công hàng tháng, là tiền có được từ việc phạm tội mà có để sung vào Ngân sách nhà nước.

* Đối với số tiền gốc các khách vay chưa trả cho Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T là 36.000.000đ cần tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Tịch thu của Phạm Thị L1 là 5.200.000đ; tịch thu của Mai Văn L 3.600.000đ; tịch thu của Nguyễn Thị B 4.800.000đ; tịch thu của Đỗ Xuân V 2.000.000đ; tịch thu của Nguyễn Văn T6 là 4.000.000đ; tịch thu của Đỗ Thị L 10.400.000đ; tịch thu của Nguyễn Thành C 1.000.000đ; tịch thu của Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ.

* V, Đ và T phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính mà V, Đ, T đã thu. Cụ thể:

Lê Thiên V phải trả cho các khách vay tiền đã vay của V từ ngày 10/12/2021 đến 17/6/2022, liên đới cùng Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V và Đ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa V và Đ và liên đới cùng Lê Văn Đ và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40%/20% giữa V, Đ và T. Cụ thể Lê Thiên V phải trả lại cho: Anh Đỗ Văn T2 là 6.841.095đ; chị Lê Thị T3 là: 1.726.027đ; anh Lê Thiên H: 1.726.027đ; anh Trần Văn T1 là: 8.904.110đ; anh Lê Sỹ H: 1.726.027đ; anh Nguyễn Thành C: 3.212.329đ; anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Nguyễn Thị B838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D 267.123đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Lê Văn Đ phải liên đới trả cho các khách vay tiền của Đ và V từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa Đ và V; liên đới cùng Lê Thiên V và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40%/20% giữa V, Đ và T. Cụ thể Lê Văn Đ phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Vũ Thị B 838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D 267.123đ; anh Nguyễn Thành C 917.808đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ; anh Đỗ Văn T2 là 2.526.027đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Ngô Anh T liên đới cùng với Lê Thiên V và Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 20%/40%/40% giữa T, V và Đ. Cụ thể Ngô Anh T phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 690.411đ; chị Nguyễn Thị B 186.301đ; anh Mai Quyết T7 là 97.369đ; anh Lê Hữu D 133.561đ; anh Nguyễn Thành C 458.904đ; anh Bùi Sỹ T4 là 245.205đ; anh Đỗ Văn T2 là 1.263.013đ và chị Phạm Thị L1 là 690.411đ.

* Cao Như L phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính (thu phí làm hồ sơ). Cụ thể: Trả cho chị Lê Thị T3 là 200.000đ; trả cho anh Trần Văn T1 là 2.000.000đ; trả cho anh Đỗ Văn T2 là 2.000.000đ và trả cho chị Phạm Thị L1 là 400.000đ.

* Đối với Đỗ Xuân V, Nguyễn Văn T6, Hoàng Văn T5, Đỗ Thị L, Bùi Văn Q1, Lê Thị Y, Lê Thị P, Ngô Tiến C1, Mai Văn L, Văn Doãn H2 không yêu cầu V, Đ, T và L phải trả lại khoản tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định của pháp luật và tiền thu lời bất chính khác nên không xem xét.

[6. 2] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 SE màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của

Cao Như L ; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Lê Văn Đ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Đối với 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Mỹ, màu xám thu giữ tại cơ sở cầm đồ Tín Nhất không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thu T8 là phù hợp.

Đối với số tiền 49.000.000đ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét tại nhà Lê Thiên V8. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của chị Lê Thu T8 (vợ của V) vay của anh Lê Thiên Đ ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, không liên quan đến hành vi phạm tội của V nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T8 số tiền trên là phù hợp.

Đối với số tiền 12.300.000đ Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của Cao Như L. Quá trình điều tra xác định đây là tiền của bà Mai Thị Vở thị trấn P, huyện Quảng Xương (mẹ của L), số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội của L nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà V là phù hợp.

Đối với 05 xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS: 36B2 - 06028; xe mô tô BKS: 36B3 - 68700; xe mô tô BKS 36B5 - 99337; xe mô tô BKS: 36B2 - 74653; xe mô tô BKS: 36F8-5238 cùng giấy tờ xe Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét cơ sở cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định 04 xe mô tô BKS: 36B2 - 06028, xe mô tô BKS: 36B3 - 68700; xe mô tô BKS: 36B5 - 99337 và xe mô tô BKS: 36B2 - 74653 không liên quan đến vụ án cho vay lãi này. Tuy nhiên, việc các đối tượng cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ là lỗi vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã chuyển hồ sơ cùng tang vật đề nghị Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp. Đối với xe mô tô BKS: 36F8 - 5238 là xe của ông Nguyễn Huy D ở thị trấn P, huyện Quảng Xương (là chủ nhà cho cơ sở Tín Nhất thuê làm trụ sở) khi khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ cùng với 04 xe mô tô trên, chiếc xe không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông D là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định để thuận tiện cho việc theo dõi khách đến vay tiền, lời lãi thế nào thì V tổng hợp ghi vào 01 cuốn sổ và nhập vào phần mềm mecash V tải trên mạng vào điện thoại iphone 5SE của V. Sau khi biết Đ và L bị cơ quan công an bắt thì V đã đốt cuốn sổ và vứt chiếc điện thoại đi ở đâu V không nhớ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại iphone 6, T dùng để liên lạc, trao đổi về thông tin khách vay với Đ và V. T khai quá trình làm ăn ở tỉnh Thừa Thiên Huế, T đã bị rơi mất chiếc điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại này.

Trong vụ án này còn có hành vi của Lê Thu T8 (vợ của V) là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Tín Nhất. Quá trình điều tra xác định Vũ để cho Thủy đứng tên chủ cửa hàng. Việc V, Đ, T và L cho các khách vay lãi nhằm thu lời bất chính T8 không biết cũng không tham gia nên không có căn cứ để xử lý Lê Thu T8.

Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Huy D (chủ nhà cho Công Ty TNHH tư vấn bất động sản Tín Nhất thuê làm trụ sở), khi cho thuê nhà ông D

không biết việc các đối tượng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không có căn cứ để xử lý với Nguyễn Huy D. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đội Cảnh sát giao thông để xử phạt vi phạm hành chính đối với L.

[7] Về án phí: Các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Thiên V.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Văn Đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Cao Như L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Ngô Anh T.

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Thiên V 20 (Hai mươi) tháng Cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2022 đến ngày 22/12/2022) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Cao Như L 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 21/12/2022) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Ngô Anh T 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T cho UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Lê Thiên V, Lê Văn Đ, Cao Như L và Ngô Anh T.

*** Về hình phạt bổ sung:** Căn cứ khoản 3 Điều 201 của BLHS.

Phạt bị cáo Lê Thiên V 40.000.000đ; phạt bị cáo Lê Văn Đ h và Cao Như L mỗi bị cáo 35.000.000đ; phạt bị cáo Ngô Anh T 30.000.000đ.

*** Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Về biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu của Lê Thiên V để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 213.080.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 7.079.506đ) là 220.159.506đ (*Hai trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm linh sáu đồng*). Tổng số tiền tịch thu của Lê Văn Đ để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 268.280.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 3.449.369đ) là 271.729.369đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng*). Tổng số tiền tịch thu của Ngô Anh T để sung vào Ngân sách Nhà nước (gồm tổng tiền gốc: 26.640.000đ + tiền lãi hợp pháp phát sinh từ hành vi phạm tội: 1.536.228đ) là 28.176.228đ (*Hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng*). Tịch thu của Cao Như L 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền công hàng tháng, là tiền có được từ việc phạm tội mà có để sung vào Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền gốc các khách vay chưa trả cho Lê Thiên V, Lê Văn Đ và Ngô Anh T là 36.000.000đ cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tịch thu của Phạm Thị L1 là 5.200.000đ; tịch thu của Mai Văn L 3.600.000đ; tịch thu của Nguyễn Thị B 4.800.000đ; tịch thu của Đỗ Xuân V 2.000.000đ; tịch thu của Nguyễn Văn T6 là 4.000.000đ; tịch thu của Đỗ Thị L 10.400.000đ; tịch thu của Nguyễn Thành C 1.000.000đ; tịch thu của Hoàng Văn T5 là 5.000.000đ.

+ V, Đ và T phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính mà V, Đ, T đã thu. Cụ thể:

Buộc Lê Thiên V phải trả cho các khách vay tiền đã vay của Vũ từ ngày 10/12/2021 đến 17/6/2022, liên đới cùng Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V và Đ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa V và Đ và liên đới cùng Lê Văn Đ và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40% /20% giữa Vũ, Định và Tùng. Cụ thể Lê Thiên Vũ phải trả lại cho: Anh Đỗ Văn Toàn 6.841.095đ; chị Lê Thị T3 là: 1.726.027đ; anh Lê Thiên H: 1.726.027đ; anh Trần Văn T1 là: 8.904.110đ; anh Lê Sỹ H: 1.726.027đ; anh Nguyễn Thành C: 3.212.329đ; anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Nguyễn Thị B 838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D267.123đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Buộc Lê Văn Đ phải liên đới trả cho các khách vay tiền của Đ và V từ ngày 17/6/2022 đến ngày 11/7/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 50%/50% giữa Đ và V; liên đới cùng Lê Thiên V và Ngô Anh T trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 40%/40% /20% giữa V, Đ và. Cụ thể Lê Văn Đ phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 2.243.835đ; chị Vũ Thị B 838.356đ; anh Nguyễn Văn S 1.294.520đ; anh Mai Quyết T7 là 194.740đ; anh Lê Hữu D 267.123đ; anh Nguyễn Thành C 917.808đ; anh Bùi Sỹ T4 là 490.410đ; anh Đỗ Văn T2 là 2.526.027đ và chị Phạm Thị L1 là 1.380.822đ.

Buộc Ngô Anh T liên đới cùng với Lê Thiên V và Lê Văn Đ trả lại cho khách vay tiền của V, Đ và T từ ngày 11/7/2022 đến ngày 14/12/2022 theo tỷ lệ góp vốn và chia lợi nhuận 20%/40% /40% giữa T, V và Đ. Cụ thể Ngô Anh T phải trả lại cho: Anh Đoàn Thế Q 690.411đ; chị Nguyễn Thị B 186.301đ; anh Mai Quyết T7 là 97.369đ; anh Lê Hữu D 133.561đ; anh Nguyễn Thành C 458.904đ; anh Bùi Sỹ T4 là 245.205đ; anh Đỗ Văn T2 là 1.263.013đ và chị Phạm Thị L1 là 690.411đ.

+ Buộc Cao Như L phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính (thu phí làm hồ sơ). Cụ thể: Trả cho chị Lê Thị T3 là 200.000đ; trả cho anh Trần Văn T1 là 2.000.000đ; trả cho anh Đỗ Văn T2 là 2.000.000đ và trả cho chị Phạm Thị L1 là 400.000đ.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 SE màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của Cao Như L; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Lê Văn Đ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho chị Lê Thu T8 ở thị trấn P, huyện Quảng Xương 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Mỹ, màu xám.

(Toàn bộ vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/6/2023).

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

* **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

